TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2025/ST–HNGĐ
Ngày 22 tháng 9 năm 2025
"V/v: Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tú và ông Nguyễn Văn Hào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2025/TLST–HNGĐ ngày 29/7/2025 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST–HNGĐ ngày 12/9/2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Hà Thị N – Sinh năm: 1987

Nơi thường trú: Thôn C 2, xã A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

* *Bị đơn*: Anh Đoàn Văn K – Sinh năm: 1986

Nơi thường trú: Thôn C 6, xã A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hà Thị N vắng mặt, tuy nhiên tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Hà Thị N trình bày:

Chị Hà Thị N và anh Đoàn Văn K kết hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An (Nay là UBND xã A, tỉnh Nghệ An) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống thời gian đầu thì hạnh phúc nhưng sau đó thì thường xuyên xẩy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay chị N và anh K đã sống ly thân với nhau nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Đoàn Văn K.

Về con chung: Không có con chung.

Về T sản chung và nợ: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Tại phiên tòa anh Đoàn Văn K vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh Đoàn Văn K trình bày:

Anh và chị Hà Thị N kết hôn với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An (Nay là UBND xã A, tỉnh Nghệ An) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng không hạnh phúc do thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nên vợ chồng đã sống đã ly thân. Nay chị N làm đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh và chị Hà Thị N không có con chung; Về T sản chung và nợ chung: Anh K yêu cầu chị N trả cho anh số tiền 10.000.000 đồng do chị N đã vay của anh trước khi kết hôn.

- Tại phiên Tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Nghệ An phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Nên Toà án xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ. Như vậy, vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Hà Thị N được ly hôn anh Đoàn Văn K.

Về nuôi con chung: Không có con chung; Về T sản chung và nợ: Anh Đoàn Văn K yêu cầu chị Hà Thị N trả số tiền 10.000.000 đồng nhưng không có có căn cứ nên không chấp nhận; Về án phí: Chị Hà Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, T liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án "Ly hôn", bị đơn cư trú tại thôn C 6, xã A, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Nghệ An thụ lý giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 3, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao là đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đề nghị giải quyết vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hà Thị N và anh Đoàn Văn K kết hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An (Nay là UBND xã A, tỉnh Nghệ An). Hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, nên vợ chồng đã sống ly thân. Nay tình cảm không còn, chị N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh K. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đoàn Văn K cũng đồng ý ly hôn với chị Hà Thị N.

Hội đồng xét xử xét thấy mục đích của hôn nhân vợ chồng là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững, cùng nhau chăm lo cuộc sống. Tuy nhiên, giữa chị N và anh K không còn tình cảm với nhau nên đã sống ly thân, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau. Do đó, hôn nhân giữa chị N và anh K lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình và cũng phù hợp với ý kiến của anh K là chấp nhận yêu cầu ly hôn với chị N.

- *Về con chung:* Chị Hà Thị N và anh Đoàn Văn K không có con chung.

- *Về T sản chung và nợ:* Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đoàn Văn K yêu cầu chị Hà Thị N trả số tiền 10.000.000 đồng do chị N vay anh K trước khi kết hôn. Tuy nhiên, anh K không có T liệu chứng cứ để chứng minh và chị N cũng không thừa nhận việc chị N vay tiền của anh K. Nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của anh K về việc yêu cầu chị N trả số tiền 10.000.000 đồng.

- *Về án phí:* Chị Hà Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; Điều 3, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- ***Về quan hệ hôn nhân***: Cho chị Hà Thị N được ly hôn với anh Đoàn Văn K.

- ***Về án phí:*** Chị Hà Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn (Đã nộp theo biên lai số 0000819 ngày 29/7/2025 tại Cục quản lý Thi hành án dân sự - Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An).

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND Khu vực 9 – Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã A, tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Lệ Hằng